

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: **628** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày **04** tháng 3 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án  
**Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng  
Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/QK4**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản 1116/BNN-LN ngày 17/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc một số nội dung liên quan đến thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4174/QĐ-BQP ngày 17/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/Quân khu 4; Quyết định số 4581/QĐ-BQP ngày 21/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/Quân khu 4; Quyết định số 794/QĐ-QK ngày 27/3/2024 của Tư lệnh Quân khu 4 về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (đợt 1) Công trình: Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu Kinh tế quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình/Quân khu 4;

Căn cứ Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

*Xét đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/QK4 của Đoàn KTQP 92 thuộc Quân khu 4 tại Tờ trình số 129/TTr-ĐKT ngày 24/01/2025, kèm Thông báo số 06/TB-QBVPTR ngày 07/01/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế và hồ sơ liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 504/TTr-SNN ngày 28/02/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/QK4, với các nội dung như sau:

- Diện tích: 0,76773 ha rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc rừng sản xuất.

- Vị trí: Tại 28 lô thuộc các khoảnh 1, 3 - Tiểu khu 121, xã Dân Hóa; khoảnh 5 - Tiểu khu 132, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa và các khoảnh 3, 4 - Tiểu khu 14; khoảnh 7 - Tiểu khu 21, xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa.

*(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)*

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm: Tờ trình số 129/TTr-ĐKT ngày 24/01/2025 của Đoàn KTQP 92 thuộc Quân khu 4 về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/QK4; Bản sao Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Thông báo số 06/TB-QBVPTR ngày 07/01/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế; Báo cáo thuyết minh và bản đồ kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 1) Khu kinh tế - quốc phòng Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình/QK4.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định; tham mưu thực hiện các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án theo quy định. ✓

2. Chủ quản lý, sử dụng rừng: Thực hiện khai thác tận dụng gỗ trên diện tích chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

3. Đoàn Kinh tế quốc phòng 92 thuộc Quân khu 4: Thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đúng vị trí, phạm vi và diện tích đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn trưởng Đoàn Kinh tế quốc phòng 92 thuộc Quân khu 4, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh; (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, CVNN. \*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**



**Phụ lục:**

**ĐIỂM DANH, DIỆN TÍCH VÀ LOẠI RỪNG QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (GIAI ĐOẠN 1) KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG MINH HÓA - TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH/QUÂN KHU 4**

(Đính kèm Quyết định số: **628/QĐ-UBND** ngày **04/3/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Đơn vị hành chính	Địa danh			Diện tích rừng trồng quyết định CMĐSDR (ha)	Loại rừng		Loài cây trồng trên diện tích có rừng	Trữ lượng cây gỗ (m <sup>3</sup> )	
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc sản xuất			
	<b>2 huyện</b>	<b>4 TK</b>	<b>6 Kh</b>	<b>28 lô</b>	<b>0,76773</b>		<b>0,76773</b>		<b>59,2</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Minh Hóa</b>	<b>2 TK</b>	<b>3 Kh</b>	<b>14 lô</b>	<b>0,19382</b>		<b>0,19382</b>		<b>11,9</b>	
1	Xã Dân Hóa	1 TK	2 Kh	13 lô	0,18779		0,18779		11,9	
		121	2 Kh	2 Kh	13 lô	0,18779		0,18779		11,9
				1	1 lô	0,11135		0,11135		7,1
		4	0,11135			0,11135	Keo	7,1		
		3	12 lô	0,07644		0,07644		4,8		
			1	0,01094		0,01094	Keo	0,7		
			4	0,00512		0,00512	Keo	0,3		
			5	0,00225		0,00225	Keo	0,1		
			6	0,00124		0,00124	Keo	0,1		
			8	0,00153		0,00153	Keo	0,1		
			9	0,00334		0,00334	Keo	0,2		
			10	0,01732		0,01732	Keo	1,1		
			11	0,00329		0,00329	Keo	0,2		
			12	0,00609		0,00609	Keo	0,4		
			13	0,00420		0,00420	Keo	0,3		
			14	0,01451		0,01451	Keo	0,9		
			15	0,00661		0,00661	Keo	0,4		
2	Xã Hóa Sơn	1 TK	1 Kh	1 lô	0,00603		0,00603			
		132	5	1 Kh	1 lô	0,00603		0,00603		
				1 lô	0,00603		0,00603			
				3	0,00603		0,00603	Keo		

TT	Đơn vị hành chính	Địa danh			Diện tích rừng trồng quyết định CMĐSDR (ha)	Loại rừng		Loài cây trồng trên diện tích có rừng	Trữ lượng cây gỗ (m <sup>3</sup> )		
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp có nguồn gốc sản xuất				
II	Huyện Tuyên Hóa	2 TK	3 Kh	14 lô	0,57391		0,57391		47,3		
I	Xã Thanh Hóa	2 TK	3 Kh	14 lô	0,57391		0,57391		47,3		
		14	2 Kh	12 lô	0,38771		0,38771		32,5		
				7 lô	0,26648		0,26648		22,5		
			3	1	0,00558		0,00558		Keo	0,5	
				2	0,09616		0,09616		Keo	9,4	
				3	0,00674		0,00674		Keo		
				4	0,03811		0,03811		Keo	3,7	
				6	0,05572		0,05572		Keo	5,4	
				7	0,02111		0,02111		Keo		
				8	0,04306		0,04306		Keo	3,5	
				4	5 lô	0,12123		0,12123			10,0
				3	0,05063		0,05063		Keo	4,2	
				4	0,00673		0,00673		Keo	0,6	
				7	0,00906		0,00906		Keo	0,7	
				8	0,03457		0,03457		Keo	2,8	
				9	0,02024		0,02024		Keo	1,7	
			21	1 Kh	2 lô	0,18620		0,18620			14,8
					2 lô	0,18620		0,18620			14,8
		7		3	0,17926		0,17926		Keo	14,8	
				9	0,00694		0,00694		Keo		